

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu:

- Tên dự toán: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc cho cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Lào Cai thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025, năm 2025 (Nội dung 1, Tiêu dự án 2, Dự án 5)

- Tên gói thầu: Gói thầu số 01 - Bồi dưỡng kiến thức dân tộc cho cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Lào Cai thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025, năm 2025 (Nội dung 1, Tiêu dự án 2, Dự án 5)

- Nguồn vốn: Ngân sách tỉnh năm 2025

- Loại hợp đồng: Trọn gói.

- Thời gian thực hiện hợp đồng: 30 ngày.

- Địa điểm thực hiện: Tại phường Yên Bái và trung tâm các xã, phường trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

2. Mục tiêu công việc:

- Bồi dưỡng kiến thức dân tộc nhằm nâng cao, cập nhật kiến thức dân tộc, văn hóa dân tộc thiểu số, chính sách dân tộc cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm công tác dân tộc, tiếp xúc, làm việc trực tiếp với đồng bào dân tộc thiểu số.

- Nâng cao nhận thức, năng lực cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức để thực hiện hiệu quả công tác tuyên truyền, vận động đồng bào dân tộc thiểu số tham gia phát triển kinh tế - xã hội theo chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách pháp luật của Nhà nước về công tác dân tộc.

3. Yêu cầu kỹ thuật của gói thầu:

- Đảm bảo đúng đối tượng, mục tiêu của Chương trình, mang lại hiệu quả thiết thực, truyền tải các kiến thức mới, các chế độ, chính sách, phương pháp tổ chức thực hiện phù hợp với tình hình thực tế của địa phương; đảm bảo chặt chẽ, khoa học, đạt chất lượng hiệu quả đề ra theo nội dung của chương trình.

- Quán triệt đầy đủ, kịp thời, chấp hành tốt nội quy, quy định, đồng thời tích cực học tập, nghiên cứu, tiếp thu các kiến thức cơ bản vận dụng vào thực tiễn trong công tác dân tộc; sử dụng kinh phí được giao bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, tránh thất thoát lãng phí.

- Tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá công tác đào tạo, bồi dưỡng kiến thức dân tộc theo Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Lào Cai năm 2025.

*** Đối tượng:**

+ Nhóm đối tượng 3: Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh; Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng các trường phổ thông dân tộc nội trú, phổ thông dân tộc bán trú, Tiểu học, Trung học cơ sở ở địa bàn có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống.

+ Nhóm đối tượng 4: Công chức, viên chức trực tiếp tham mưu theo dõi về công tác dân tộc ở cơ quan cấp tỉnh; Công chức cấp xã; bí thư chi bộ, trưởng thôn ở địa bàn đồng đồng bào dân tộc thiểu số.

*** Nội dung:**

Thực hiện theo Quyết định số 978/QĐ-UBND ngày 19/12/2023 của Ủy ban Dân tộc ban hành Chương trình bồi dưỡng kiến thức dân tộc đối với cán bộ, công chức, viên chức nhóm đối tượng 3 trong Nội dung 1, Tiểu dự án 2, Dự án 5 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ (các chuyên đề giảng dạy).

Quyết định số 982/QĐ-UBND ngày 20/12/2023 của Ủy ban Dân tộc ban hành đề cương 08 chuyên đề tham khảo thuộc chương trình bồi dưỡng kiến thức dân tộc đối với cán bộ, công chức, viên chức nhóm đối tượng 4 trong Nội dung 1, Tiểu Dự án 2, Dự án 5 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

*** Kế hoạch bồi dưỡng:** Tổ chức 33 lớp bồi dưỡng cho 2.249 học viên, cụ thể:

| Stt | Đối tượng bồi dưỡng | Kế hoạch thực hiện năm 2025 | | | Địa điểm bồi dưỡng |
|----------|--|-----------------------------|----------|---------------------|---------------------|
| | | Người | Lớp | Thời gian bồi dưỡng | |
| 1 | Bồi dưỡng kiến thức dân tộc thiểu số cho đối tượng 3 | 506 | 8 | | |
| 1.1 | Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh; Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng các trường phổ thông dân tộc nội trú, phổ thông dân tộc bán trú, Tiểu học, Trung học cơ sở trên địa bàn xã Cát Thịnh, phường Nghĩa Lộ, xã Gia Hội, xã Chấn Thịnh, xã Nghĩa Tâm | 71 | 1 | 5 ngày | Tại Phường Nghĩa Lộ |
| 1.2 | Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng các trường phổ thông dân tộc nội trú, phổ thông dân tộc bán trú, Tiểu học, Trung học cơ sở trên địa bàn xã Khao Mang; xã MCC; xã Nậm có; xã Púng luông, xã Phình hồ; xã Tà Xi lán; xã hạnh phúc; Xã Văn Chấn | 68 | 1 | 5 ngày | Tại Xã Mù Cang Chải |

| Stt | Đối tượng bồi dưỡng | Kế hoạch thực hiện năm 2025 | | | Địa điểm bồi dưỡng |
|-----|--|-----------------------------|-----|---------------------|--------------------|
| | | Người | Lớp | Thời gian bồi dưỡng | |
| 1.3 | Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng các trường phổ thông dân tộc nội trú, phổ thông dân tộc bán trú, Tiểu học, Trung học cơ sở trên địa bàn xã Đông công; xã Mỏ vàng; xã Châu quế; xã Hưng khánh; Xã Sơn Lương; Xã Phong Dụ hạ; xã Việt hồng; xã Lâm giang; xã Liên sơn; xã Tân hợp | 71 | 1 | 5 ngày | Tại Xã Đông Công |
| 1.4 | Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng các trường phổ thông dân tộc nội trú, phổ thông dân tộc bán trú, Tiểu học, Trung học cơ sở trên địa bàn Xã Cẩm nhân; Xã phúc lợi; Xã Lục yên; Xã Yên thành; Xã Mừng Lai; Xã Khánh hòa; Xã Xuân ái; Xã Lâm Thượng | 64 | 1 | 5 ngày | Tại Xã Lục Yên |
| 1.5 | Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng các trường phổ thông dân tộc nội trú, phổ thông dân tộc bán trú, Tiểu học, Trung học cơ sở trên địa bàn Phường Lào Cai; Phường Cam đường; xã Bát xát; xã Pha long | 58 | 1 | 5 ngày | Tại Phường Lào Cai |
| 1.6 | Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng các trường phổ thông dân tộc nội trú, phổ thông dân tộc bán trú, Tiểu học, Trung học cơ sở trên địa bàn Xã Tả phìn; xã Mừng bo; xã Bảo nhai; xã Võ lao; xã Khánh Yên; Xã Bảo Yên; xã Xuân hòa | 58 | 1 | 5 ngày | Tại Xã Khánh Yên |
| 1.7 | Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng các trường phổ thông dân tộc nội trú, phổ thông dân tộc bán trú, Tiểu học, Trung học cơ sở trên địa bàn xã | 58 | 1 | 5 ngày | Tại Xã Gia Phú |

| Stt | Đối tượng bồi dưỡng | Kế hoạch thực hiện năm 2025 | | | Địa điểm bồi dưỡng |
|----------|--|-----------------------------|-----------|---------------------|--------------------------------|
| | | Người | Lớp | Thời gian bồi dưỡng | |
| | Minh Lương; Xã Gia phú; Xã Thượng hà; Xã Mường Hum | | | | |
| 1.8 | Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng các trường phổ thông dân tộc nội trú, phổ thông dân tộc bán trú, Tiểu học, Trung học cơ sở trên địa bàn xã Văn bản; xã Xín chéng; xã Tả củ tỹ; xã Phúc khánh; xã Chiềng ken; xã A Mú sung | 58 | 1 | 5 ngày | Tại Xã Văn Bản |
| 2 | Bồi dưỡng kiến thức dân tộc thiểu số cho đối tượng 4 | 1743 | 25 | | |
| 2.1 | Công chức, viên chức trực tiếp tham mưu theo dõi về công tác dân tộc ở cơ quan cấp tỉnh; Công chức cấp xã trên địa bàn tỉnh Lào Cai | 61 | 1 | 5 ngày | Tại Xã Văn Chấn |
| 2.2 | Công chức, viên chức trực tiếp tham mưu theo dõi về công tác dân tộc ở cơ quan cấp tỉnh; Công chức cấp xã trên địa bàn tỉnh Lào Cai | 58 | 1 | 5 ngày | Tại Trường Chính trị (Cơ sở 1) |
| 2.3 | Công chức, viên chức trực tiếp tham mưu theo dõi về công tác dân tộc ở cơ quan cấp tỉnh; Công chức cấp xã trên địa bàn tỉnh Lào Cai | 57 | 1 | 5 ngày | Tại Xã Phúc Khánh |
| 2.4 | Công chức, viên chức trực tiếp tham mưu theo dõi về công tác dân tộc ở cơ quan cấp tỉnh; Công chức cấp xã trên địa bàn tỉnh Lào Cai | 60 | 1 | 5 ngày | Tại Phường Lào Cai |
| 2.5 | Công chức, viên chức trực tiếp tham mưu theo dõi về công tác dân tộc ở cơ quan cấp tỉnh; Công chức cấp xã trên địa bàn tỉnh Lào Cai | 52 | 1 | 5 ngày | Tại Xã Bát Xát |
| 2.6 | Công chức, viên chức trực tiếp tham mưu theo dõi về công tác dân tộc ở cơ quan cấp tỉnh; Công chức cấp xã trên địa bàn tỉnh Lào Cai | 57 | 1 | 5 ngày | Tại Phường Cam Đường |

| Stt | Đối tượng bồi dưỡng | Kế hoạch thực hiện năm 2025 | | | Địa điểm bồi dưỡng |
|------|---|-----------------------------|-----|---------------------|----------------------|
| | | Người | Lớp | Thời gian bồi dưỡng | |
| 2.7 | Bí thư chi bộ, trưởng thôn ở địa bàn Xã Khao mang; xã MCC; Xã Púng luông; Xã Nậm có | 78 | 1 | 5 ngày | Tại Xã Mù Cang Chải |
| 2.8 | Bí thư chi bộ, trưởng thôn ở địa bàn Xã Tú lệ; Xã Gia hội | 68 | 1 | 5 ngày | Tại Xã Gia Hội |
| 2.9 | Bí thư chi bộ, trưởng thôn ở địa bàn xã Liên sơn, Xã Sơn Lương | 76 | 1 | 5 ngày | Tại Xã Liên Sơn |
| 2.10 | Bí thư chi bộ, trưởng thôn ở địa bàn Phường Trung Tâm; Xã Phình hồ; Xã Hạnh phúc | 95 | 1 | 5 ngày | Tại Phường Trung Tâm |
| 2.11 | Bí thư chi bộ, trưởng thôn ở địa bàn Phường Nghĩa Lộ, Phường Cầu thia | 79 | 1 | 5 ngày | Tại Phường Nghĩa Lộ |
| 2.12 | Bí thư chi bộ, trưởng thôn ở địa bàn Xã Văn Chấn; Xã Cát Thịnh; Xã Tà Xi lán | 81 | 1 | 5 ngày | Tại Xã Văn Chấn |
| 2.13 | Bí thư chi bộ, trưởng thôn ở địa bàn Xã Quy mông; Xã Mỏ vàng 1 | 87 | 1 | 5 ngày | Tại Xã Quy Mông |
| 2.14 | Bí thư chi bộ, trưởng thôn ở địa bàn Xã Phong Dụ hạ; Xã Châu quế; Xã Lâm giang | 62 | 1 | 5 ngày | Tại Xã Châu Quế |
| 2.15 | Bí thư chi bộ, trưởng thôn ở địa bàn Xã Đông cuông; Xã Phúc Lợi; Xã Khánh hòa | 84 | 1 | 5 ngày | Tại Xã Khánh Hòa |
| 2.16 | Bí thư chi bộ, trưởng thôn ở địa bàn Xã Tân hạp; Xã Mậu A; Xã Xuân Ái | 71 | 1 | 5 ngày | Tại Xã Mậu A |
| 2.17 | Bí thư chi bộ, trưởng thôn ở địa bàn xã Bảo Hà | 86 | 1 | 5 ngày | Tại Xã Bảo Hà |
| 2.18 | Bí thư chi bộ, trưởng thôn ở địa bàn xã Gia Phú | 83 | 1 | 5 ngày | Xã Gia Phú |
| 2.19 | Bí thư chi bộ, trưởng thôn ở địa bàn phường Cam Đường | 69 | 1 | 5 ngày | Tại Phường Cam Đường |

| Stt | Đối tượng bồi dưỡng | Kế hoạch thực hiện năm 2025 | | | Địa điểm bồi dưỡng |
|------|---|-----------------------------|-----|---------------------|--------------------|
| | | Người | Lớp | Thời gian bồi dưỡng | |
| 2.20 | Bí thư chi bộ, trưởng thôn ở địa bàn xã Pha Long | 62 | 1 | 5 ngày | Tại Xã Pha Long |
| 2.21 | Bí thư chi bộ, trưởng thôn ở địa bàn xã Lùng Phình; xã Cao Sơn; xã Bảo Nhai; xã Phong Hải | 60 | 1 | 5 ngày | Tại Xã Bảo Nhai |
| 2.22 | Bí thư chi bộ, trưởng thôn ở địa bàn xã Khánh Yên; xã Chiềng Ken | 70 | 1 | 5 ngày | Tại Xã Khánh Yên |
| 2.23 | Bí thư chi bộ, trưởng thôn ở địa bàn xã Phúc Khánh; xã Bảo Yên; xã Xuân Hòa; xã Cốc Lầu | 57 | 1 | 5 ngày | Tại Xã Bảo Yên |
| 2.24 | Bí thư chi bộ, trưởng thôn ở địa bàn xã Thượng Hà; xã Xuân Quang | 68 | 1 | 5 ngày | Tại Xã Thượng Hà |
| 2.25 | Bí thư chi bộ, trưởng thôn ở địa bàn xã Võ Lao; xã Tăng Loỏng | 62 | 1 | 5 ngày | Tại Xã Võ Lao |

* **Thời gian:** 05 ngày/lớp

* **Nhà thầu**

- Chịu trách nhiệm giảng dạy, tài liệu bồi dưỡng, chuẩn bị cơ sở vật chất mở lớp bồi dưỡng, chịu trách nhiệm về ăn, ở, đi lại của giảng viên và các điều kiện cơ sở vật chất để tổ chức lớp học.

- Chịu trách nhiệm bố trí chỗ nghỉ, chi phí ăn, đi lại của học viên tham gia các lớp bồi dưỡng.

- Phối hợp với Sở Nội vụ thực hiện đánh giá chất lượng bồi dưỡng CBCCVC theo quy định.

- Kết thúc khóa bồi dưỡng xây dựng báo cáo kết quả thực hiện công tác bồi dưỡng kiến thức dân tộc thiểu số theo Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Lào Cai năm 2025 gửi Sở Nội vụ tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

* **Yêu cầu về cơ sở vật chất và các điều kiện tổ chức các lớp bồi dưỡng:**

+ Nhà thầu phải đề xuất trước địa điểm phòng học/hội trường dự kiến tổ chức các lớp tập huấn tại các địa điểm dự kiến tổ chức lớp, cách UBND phường, xã không quá không quá 15 km. Đồng thời nhà thầu phải cung cấp tài liệu chứng minh việc được phép sử dụng/thuê; Yêu cầu địa điểm tổ chức: Đảm bảo về an toàn, an ninh trật tự; đảm bảo điện nước, vệ sinh, môi trường sư phạm; có đủ chỗ để xe cho giảng viên và học viên.

+ Phòng học giảng dạy phải đáp ứng điều kiện như đủ diện tích, bàn, ghế, đảm bảo bố trí chỗ ngồi cho học viên; tương ứng với số lượng học viên/lớp, ánh sáng phù hợp.

+ Thiết bị giảng dạy bao gồm: máy chiếu, màn chiếu, loa, micro, lọc âm... và các thiết bị đảm bảo khác.

+ Hình thức tổ chức đào tạo bồi dưỡng: Trực tiếp, Tập trung, phù hợp với yêu cầu của Chủ đầu tư.

+ Chuẩn bị đầy đủ tài liệu, văn phòng phẩm, nước uống cho tất cả học viên.

- Sau khi hoàn thành khoá học, Bên đào tạo sẽ cấp “Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức dân tộc” cho học viên hoàn thành khoá học theo quy định.

- Lựa chọn cơ sở đào tạo, bồi dưỡng kiến thức dân tộc đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều 42, Điều 43, Điều 44 Thông tư số 05/2025/TT-BD TTG của Bộ Dân tộc và Tôn giáo; cấp chứng chỉ theo quy định tại Điều 46 Thông tư số 05/2025/TT-BD TTG của Bộ Dân tộc và Tôn giáo, Điều 5 Thông tư số 03/2023/TT-BNV ngày 30/4/2023 của Bộ Nội vụ.

*** Yêu cầu về điều kiện cấp chứng chỉ**

- Nhà thầu phải đảm bảo đủ điều kiện cấp chứng chỉ cho học viên theo quy định tại Thông tư 03/2023/TT-BNV ngày 30/4/2023 của Bộ Nội vụ.

- Nhà thầu phải có đội ngũ giảng viên, báo cáo viên đáp ứng yêu cầu bồi dưỡng kiến thức dân tộc và có tiêu chuẩn theo quy định tại Thông tư 03/2023/TT-BNV ngày 30/4/2023 của Bộ Nội vụ. Đội ngũ giảng viên, báo cáo viên phải nắm vững mục tiêu, nội dung, chương trình, phương pháp giảng dạy, vị trí, của các chuyên đề được phân công giảng dạy, các quy chế kiểm tra, thi, đánh giá kết quả học tập của học viên. Xây dựng kế hoạch giảng dạy, đề cương môn học, bài giảng và thiết kế các tài liệu, dữ liệu phục vụ cho giảng dạy. Giảng bài, hướng dẫn học viên kỹ năng tự học tập, thảo luận, giải quyết bài tập tình huống. Tìm hiểu trình độ, kiến thức và nguyện vọng của học viên; thường xuyên cập nhật thông tin để bổ sung, hoàn thiện, đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy và dữ liệu phục vụ cho giảng dạy. Thực hiện quá trình đánh giá kết quả học tập của học viên và hướng dẫn học viên đánh giá hoạt động giảng dạy.

- Nhà thầu phải có ít nhất 05 năm kinh nghiệm trong tổ chức bồi dưỡng CBCCVC hoặc tổ chức đào tạo trình độ từ trung cấp trở lên về các ngành hoặc chuyên ngành có liên quan đến chương trình bồi dưỡng kiến thức dân tộc do Ủy ban Dân tộc ban hành tại Quyết định số 778/QĐ-UBDT ngày 28/10/2019 và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có).

*** Yêu cầu về nhân sự, cơ sở vật chất và các điều kiện tổ chức các lớp bồi dưỡng:**

| Stt | Nội dung công việc | Yêu cầu chi tiết về kỹ thuật |
|------------|---------------------------|---|
| 1 | Bố trí nhân sự | - Nhà thầu bố trí giảng viên theo yêu cầu Chương III của E-HSMT. - Nhà thầu bố trí cán bộ quản lý lớp để điều hành, quản lý lớp học. - Bố trí thù lao và chế độ ăn, nghỉ, đi lại, nước uống cho giảng viên. |

| Stt | Nội dung công việc | Yêu cầu chi tiết về kỹ thuật |
|-----|---------------------------|---|
| | | <ul style="list-style-type: none"> - Nhà thầu trình bày phương án bố trí giảng viên, cán bộ quản lý lớp đảm bảo: + Học viên tiếp thu trọn vẹn kiến thức được truyền đạt + Đảm bảo thời lượng lớp học theo quy định của E-HSMT. - Nhà thầu trình bày giải pháp phối hợp giữa các bên trong quá trình triển khai gói thầu. |
| 2 | Tài liệu | <ul style="list-style-type: none"> - Giảng viên của Nhà thầu căn cứ chương trình, tài liệu Bồi dưỡng kiến thức dân tộc ban hành theo Quyết định số 977/QĐ-UBND ngày 19/12/2023 của Ủy ban Dân tộc (nay là Bộ Dân tộc và Tôn giáo) về ban hành Chương trình bồi dưỡng kiến thức dân tộc đối với cán bộ, công chức, viên chức nhóm đối tượng 4 trong Nội dung 1, Tiểu Dự án 2, Dự án 5 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ (Các chuyên đề giảng dạy); Quyết định số 978/QĐ-UBND ngày 19/12/2023 của Ủy ban Dân tộc (nay là Bộ Dân tộc và Tôn giáo) về ban hành Chương trình bồi dưỡng kiến thức dân tộc đối với cán bộ, công chức, viên chức nhóm đối tượng 3 trong Nội dung 1, Tiểu Dự án 2, Dự án 5 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ (Các chuyên đề giảng dạy) để biên soạn giáo trình cho học viên theo các nội dung tập huấn đã nêu. - Tài liệu được in trên giấy A4, đóng bìa, dán gáy chắc chắn, thẩm mỹ. Có mục lục để học viên dễ dàng theo dõi trong quá trình học tập, cỡ chữ dễ nhìn, dàn trang, căn lề hợp lý. - Nhà thầu cam kết cung cấp đầy đủ tài liệu cho học viên tham gia, đảm bảo đúng quy định - Nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh sẵn sàng huy động máy móc để in ấn tài liệu cho tổ chức tập huấn đảm bảo khả năng thực hiện cung cấp dịch vụ - Nhà thầu có đính kèm dự thảo tài liệu giảng dạy cho các lớp bồi dưỡng của gói thầu trong E-HSMT. |
| 3 | Văn phòng phẩm | <ul style="list-style-type: none"> - Văn phòng phẩm cho học viên mỗi bộ bao gồm: 1 túi clear, 1 sổ, 1 bút viết. - Văn phòng phẩm phải được nhà thầu đóng bộ trước khi phát cho học viên. Nhà thầu cam kết cung cấp đầy đủ văn phòng phẩm cho học viên tham gia tập huấn |
| 4 | Địa điểm tổ chức tập huấn | Nhà thầu bố trí địa điểm tổ chức tập huấn đảm bảo các yêu cầu sau: |

| Stt | Nội dung công việc | Yêu cầu chi tiết về kỹ thuật |
|-----|--|--|
| | | <ul style="list-style-type: none"> - Vị trí: + Đảm bảo giao thông thuận tiện, đảm bảo an ninh trật tự trong suốt quá trình tổ chức lớp học. - Trang thiết bị hội trường: + Hội trường được trang bị đầy đủ hệ thống ánh sáng và làm mát; + Bàn ghế bố trí theo mô hình lớp học, đầy đủ . + Hội trường được vệ sinh sạch sẽ trước và sau mỗi buổi học. - Hội trường được trang trí maket có kích cỡ phù hợp với không gian hội trường, có tính thẩm mỹ. - Yêu cầu khác: Có khu vực trông giữ phương tiện miễn phí cho học viên ngay tại địa điểm tổ chức tập huấn hoặc trong bán kính ≤ 300 mét; Đảm bảo phải an toàn, có người trông coi hoặc có phương án bảo vệ phù hợp. <p>Nhà thầu phải chứng minh khả năng sẵn sàng huy động địa điểm tổ chức tập huấn đảm bảo khả năng thực hiện cung cấp dịch vụ theo yêu cầu của E-HSMT; cam kết bố trí được từ 2 đến 3 lớp/đợt, đảm bảo về quy mô phòng học, giảng viên, trang thiết bị, kỹ thuật kèm theo.</p> |
| 5 | Giải khát giữa giờ cho học viên | <ul style="list-style-type: none"> - Nhà thầu bố trí nước uống và tea break cho học viên ngay tại hội trường tập huấn; - Nhà thầu cam kết cung cấp các sản phẩm đảm bảo chất lượng, còn mới, nguyên vẹn, sạch sẽ, hợp vệ sinh và nhà thầu phải chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu nhà thầu cung cấp không đảm bảo chất lượng. - Nhà thầu trình bày kế hoạch bố trí giải khát giữa giờ cho học viên. - Nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh sẵn sàng huy động để cung cấp dịch vụ giải khát giữa giờ cho học viên |
| 6 | In và cấp chứng chỉ | Nhà thầu cam kết cấp chứng chỉ cho học viên hoàn thành khóa đào tạo, tập huấn. |
| 7 | Phương pháp đảm bảo chất lượng khóa tập huấn | <p>Nhà thầu thực hiện công tác giảng dạy đảm bảo người học nắm vững được kiến thức của chương trình học. Nội dung tập huấn kết hợp giữa lý luận và thực tiễn; kiến thức, kinh nghiệm và kỹ năng thực hành; thường xuyên được bổ sung, cập nhật, nâng cao phù hợp với tình hình thực tế địa phương.</p> <p>Nhà thầu trình bày giải pháp đảm bảo chất lượng bồi dưỡng của khóa tập huấn, chi tiết về các mục sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thu hút sự tham gia tích cực của học viên trong học tập, trao đổi, chia sẻ. - Chất lượng giảng dạy của giảng viên. |

| Stt | Nội dung công việc | Yêu cầu chi tiết về kỹ thuật |
|-----|--------------------|--|
| | | <ul style="list-style-type: none"> - Chất lượng cơ sở vật chất và các hoạt động hỗ trợ khóa học. - Chất lượng khóa học đáp ứng nhu cầu của học viên. - Hiệu quả mà khóa học mang lại cho học viên để áp dụng vào thực tiễn. |

* Yêu cầu về nội dung cung cấp dịch vụ:

Đối tượng 3

| Stt | Nội dung | Tổng cộng | Lớp 1 (phường Nghĩa Lộ) | Lớp 2 (xã Mù Cang Chải) | Lớp 3 (xã Đông Cuông) | Lớp 4 (xã Lục Yên) | Lớp 5 (phường Lào Cai) | Lớp 6 (xã Khánh Yên) | Lớp 7 (xã Gia Phú) | Lớp 8 (xã Văn Bàn) |
|-----------|---|------------|----------------------------------|----------------------------------|--------------------------------|-----------------------------|------------------------------|-------------------------------|--------------------------|-----------------------------|
| | | | Số lượng | Số lượng | Số lượng | Số lượng | Số lượng | Số lượng | Số lượng | Số lượng |
| | Số lượng học viên | 506 | 71 | 68 | 71 | 64 | 58 | 58 | 58 | 58 |
| | Thời gian: 5 ngày/lớp | | | | | | | | | |
| A | Chi phí đào tạo, tập huấn | | | | | | | | | |
| I | Chi phí thuê giảng viên | | | | | | | | | |
| 1 | Chi thù lao Giảng viên: | | | | | | | | | |
| 2 | Phụ cấp tiền ăn cho giảng viên: | | | | | | | | | |
| 3 | Chi tiền thuê phòng nghỉ cho giảng viên | | | | | | | | | |
| 4 | Hỗ trợ đi lại cho giảng viên | | | | | | | | | |
| 5 | Chi tiền nước uống cho Giảng viên | | | | | | | | | |
| II | Chi phí tổ chức lớp học | | | | | | | | | |
| 1 | Chi phô tô tài liệu phát học viên | | | | | | | | | |
| 2 | Văn phòng phẩm (Sổ tay, bút bi nước, túi cước) | | | | | | | | | |
| 3 | Chi thuê hội trường, phòng học; Chi thuê thiết bị, dụng cụ phục vụ giảng dạy (máy tính, máy chiếu) | | | | | | | | | |

| Stt | Nội dung | Tổng cộng | Lớp 1 (phường Nghĩa Lộ) | Lớp 2 (xã Mù Cang Chải) | Lớp 3 (xã Đông Cuông) | Lớp 4 (xã Lục Yên) | Lớp 5 (phường Lào Cai) | Lớp 6 (xã Khánh Yên) | Lớp 7 (xã Gia Phú) | Lớp 8 (xã Văn Bàn) |
|------------|--|-----------|----------------------------------|----------------------------------|--------------------------------|-----------------------------|------------------------------|-------------------------------|--------------------------|-----------------------------|
| | | | Số lượng | Số lượng | Số lượng | Số lượng | Số lượng | Số lượng | Số lượng | Số lượng |
| 4 | Tiền market, hoa tươi, trang trí, khánh tiết (khai mạc, bế mạc) | | | | | | | | | |
| 5 | Chi giải khát giữa giờ cho học viên | | | | | | | | | |
| 6 | Chi khen thưởng cho học viên đạt loại giỏi loại xuất sắc | | | | | | | | | |
| 7 | Chi in và cấp chứng chỉ (kích thước: 15 cm x 21 cm; chất liệu giấy ảnh 260gms) | | | | | | | | | |
| 8 | Chi văn phòng phẩm phục vụ hoạt động nhóm (10 nhóm/lớp gồm: Giấy in; Bút da kính 2 đầu Deli; Kéo; Bìa A4; Kẹp giấy; Giấy note; Kẹp bướm) | | | | | | | | | |
| III | Chi hỗ trợ học viên | | | | | | | | | |
| 1 | Hỗ trợ tiền ăn cho học viên | | | | | | | | | |
| 2 | Hỗ trợ tiền thuê phòng ngủ cho học viên | | | | | | | | | |
| 3 | Hỗ trợ tiền đi lại cho học viên (Không hỗ trợ đại biểu có khoảng cách từ trụ sở xã đến địa điểm mở lớp dưới 10km đối với xã thuộc địa bàn kinh tế khó) | | | | | | | | | |

| Stt | Nội dung | Tổng cộng | Lớp 1 (phường Nghĩa Lộ) | Lớp 2 (xã Mù Cang Chải) | Lớp 3 (xã Đông Cuông) | Lớp 4 (xã Lục Yên) | Lớp 5 (phường Lào Cai) | Lớp 6 (xã Khánh Yên) | Lớp 7 (xã Gia Phú) | Lớp 8 (xã Văn Bàn) |
|----------|--|-----------|----------------------------------|----------------------------------|--------------------------------|-----------------------------|------------------------------|-------------------------------|--------------------------|-----------------------------|
| | | | Số lượng | Số lượng | Số lượng | Số lượng | Số lượng | Số lượng | Số lượng | Số lượng |
| | khăn, xã đặc biệt khó khăn); dưới 15km đối với các xã còn lại | | | | | | | | | |
| B | Chi phí quản lý lớp học | | | | | | | | | |
| 1 | Phụ cấp lưu trú cho cán bộ quản lý lớp học | | | | | | | | | |
| 2 | Chi tiền khoán đi lại cho cán bộ quản lý lớp | | | | | | | | | |
| 3 | Chi tiền thuê phòng ngủ cho cán bộ quản lý lớp | | | | | | | | | |

Đối tượng 4

1.

| Stt | Nội dung | Tổng cộng | Lớp 1 | Lớp 2 | Lớp 3 | Lớp 4 | Lớp 5 | Lớp 6 | Lớp 7 | Lớp 8 | Lớp 9 |
|-----------|---|------------|-------------|--------------|--------------------|---------------|---------------|----------------|--------------|----------------|-------------|
| | | | (xã Bảo Hà) | (xã Gia Phú) | (Phường Cam Đường) | (xã Pha Long) | (Xã Bảo Nhai) | (xã Khánh Yên) | (xã Bảo Yên) | (xã Thượng Hà) | (xã Võ Lao) |
| | | | Số lượng | Số lượng | Số lượng | Số lượng | Số lượng | Số lượng | Số lượng | Số lượng | Số lượng |
| | Số lượng học viên | 617 | 86 | 83 | 69 | 62 | 60 | 70 | 57 | 68 | 62 |
| | Thời gian: 5 ngày/lớp | | | | | | | | | | |
| A | Chi phí đào tạo, tập huấn | | | | | | | | | | |
| I | Chi phí thuê giảng viên | | | | | | | | | | |
| 1 | Chi thù lao Giảng viên | | | | | | | | | | |
| 2 | Phụ cấp tiền ăn cho giảng viên | | | | | | | | | | |
| 3 | Chi tiền thuê phòng nghỉ cho giảng viên | | | | | | | | | | |
| 4 | Hỗ trợ đi lại cho giảng viên | | | | | | | | | | |
| 5 | Chi tiền nước uống cho Giảng viên | | | | | | | | | | |
| II | Chi phí tổ chức lớp học | | | | | | | | | | |
| 1 | Chi phô tô tài liệu phát học viên | | | | | | | | | | |
| 2 | Văn phòng phẩm (Sổ tay, bút bi nước, túi cước) | | | | | | | | | | |
| 3 | Chi thuê hội trường, phòng học; Chi thuê thiết bị, dụng cụ phục vụ giảng dạy (máy tính, máy chiếu) | | | | | | | | | | |

| Stt | Nội dung | Tổng cộng | Lớp 1 | Lớp 2 | Lớp 3 | Lớp 4 | Lớp 5 | Lớp 6 | Lớp 7 | Lớp 8 | Lớp 9 |
|------------|--|-----------|-------------------------|--------------------------|--------------------------------|---------------------------|---------------------------|----------------------------|--------------------------|----------------------------|-------------------------|
| | | | (xã Bảo Hà) Số lượng | (xã Gia Phú) Số lượng | (Phường Cam Đường) Số lượng | (xã Pha Long) Số lượng | (Xã Bảo Nhai) Số lượng | (xã Khánh Yên) Số lượng | (xã Bảo Yên) Số lượng | (xã Thượng Hà) Số lượng | (xã Võ Lao) Số lượng |
| 4 | Tiền market, hoa tươi, trang trí, khánh tiết (khai mạc, bế mạc) | | | | | | | | | | |
| 5 | Chi giải khát giữa giờ cho học viên | | | | | | | | | | |
| 6 | Chi khen thưởng cho học viên đạt loại giỏi loại xuất sắc | | | | | | | | | | |
| 7 | Chi in và cấp chứng chỉ (kích thước: 15 cm x 21 cm; chất liệu giấy ảnh 260gms) | | | | | | | | | | |
| 8 | Chi văn phòng phẩm phục vụ hoạt động nhóm (10 nhóm/lớp gồm: Giấy in; Bút da kính 2 đầu Deli; Kéo; Bìa A4; Kẹp giấy; Giấy note; Kẹp bướm) | | | | | | | | | | |
| III | Chi hỗ trợ học viên | | | | | | | | | | |
| 1 | Hỗ trợ tiền ăn cho học viên | | | | | | | | | | |
| 2 | Hỗ trợ tiền thuê phòng ngủ cho học viên (thanh toán theo thực tế) | | | | | | | | | | |
| 3 | Hỗ trợ tiền đi lại cho học viên (Không hỗ trợ đại biểu có khoảng cách từ trụ sở xã đến địa điểm mở lớp dưới 10km đối | | | | | | | | | | |

| Stt | Nội dung | Tổng cộng | Lớp 1 | Lớp 2 | Lớp 3 | Lớp 4 | Lớp 5 | Lớp 6 | Lớp 7 | Lớp 8 | Lớp 9 |
|----------|--|-----------|-------------------------|--------------------------|--------------------------------|---------------------------|---------------------------|----------------------------|--------------------------|----------------------------|-------------------------|
| | | | (xã Bảo Hà) Số lượng | (xã Gia Phú) Số lượng | (Phường Cam Đường) Số lượng | (xã Pha Long) Số lượng | (Xã Bảo Nhai) Số lượng | (xã Khánh Yên) Số lượng | (xã Bảo Yên) Số lượng | (xã Thượng Hà) Số lượng | (xã Võ Lao) Số lượng |
| | với xã thuộc địa bàn kinh tế khó khăn, xã đặc biệt khó khăn); dưới 15km đối với các xã còn lại | | | | | | | | | | |
| B | Chi phí quản lý lớp học, chi phí phát sinh | | | | | | | | | | |
| 1 | Phụ cấp lưu trú cho cán bộ quản lý lớp học | | | | | | | | | | |
| 2 | Chi tiền khoán đi lại cho cán bộ quản lý lớp | | | | | | | | | | |
| 3 | Chi tiền thuê phòng ngủ cho cán bộ quản lý lớp | | | | | | | | | | |
| 4 | Chi khác, phát sinh theo thực tế | | | | | | | | | | |

2.

| Stt | Nội dung | Tổng cộng | Lớp 1 (xã Mù Cang Chải) | Lớp 2 (xã Gia Hội) | Lớp 3 (Xã Liên Sơn) | Lớp 4 (Phường Trung Tâm) | Lớp 5 (Phường Nghĩa Lộ) | Lớp 6 (xã Văn Chấn) | Lớp 7 (xã Quy Mông) | Lớp 8 (xã Châu Quế) | Lớp 9 (xã Khánh Hoà) | Lớp 10 (xã Mậu A) |
|-----------|--|------------|----------------------------|-----------------------|------------------------|-----------------------------|----------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|-------------------------|----------------------|
| | | | Số lượng | Số lượng | Số lượng | Số lượng | Số lượng | Số lượng | Số lượng | Số lượng | Số lượng | Số lượng |
| | Số lượng học viên | 781 | 78 | 68 | 76 | 95 | 79 | 81 | 87 | 62 | 84 | 71 |
| | Thời gian: 5 ngày/lớp | | | | | | | | | | | |
| A | Chi phí đào tạo, tập huấn | | | | | | | | | | | |
| I | Chi phí thuê giảng viên | | | | | | | | | | | |
| 1 | Chi thù lao Giảng viên | | | | | | | | | | | |
| 2 | Phụ cấp tiền ăn cho giảng viên | | | | | | | | | | | |
| 3 | Chi tiền thuê phòng nghỉ cho giảng viên | | | | | | | | | | | |
| 4 | Hỗ trợ đi lại cho giảng viên | | | | | | | | | | | |
| 5 | Chi tiền nước uống cho Giảng viên | | | | | | | | | | | |
| II | Chi phí tổ chức lớp học | | | | | | | | | | | |
| 1 | Chi phô tô tài liệu phát học viên | | | | | | | | | | | |
| 2 | Văn phòng phẩm (Sổ tay, bút bi nước, túi cước) | | | | | | | | | | | |

| Stt | Nội dung | Tổng cộng | Lớp 1 (xã Mù Cang Chải) | Lớp 2 (xã Gia Hội) | Lớp 3 (Xã Liên Sơn) | Lớp 4 (Phường Trung Tâm) | Lớp 5 (Phường Nghĩa Lộ) | Lớp 6 (xã Văn Chấn) | Lớp 7 (xã Quy Mông) | Lớp 8 (xã Châu Quế) | Lớp 9 (xã Khánh Hoà) | Lớp 10 (xã Mậu A) |
|-----|--|-----------|----------------------------|-----------------------|------------------------|-----------------------------|----------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|-------------------------|----------------------|
| | | | Số lượng | Số lượng | Số lượng | Số lượng | Số lượng | Số lượng | Số lượng | Số lượng | Số lượng | Số lượng |
| 3 | Chi thuê hội trường, phòng học; Chi thuê thiết bị, dụng cụ phục vụ giảng dạy (máy tính, máy chiếu) | | | | | | | | | | | |
| 4 | Tiền market, hoa tươi, trang trí, khánh tiết (khai mạc, bế mạc) | | | | | | | | | | | |
| 5 | Chi giải khát giữa giờ cho học viên | | | | | | | | | | | |
| 6 | Chi khen thưởng cho học viên đạt loại giỏi loại xuất sắc | | | | | | | | | | | |
| 7 | Chi in và cấp chứng chỉ (kích thước: 15 cm x 21 cm; chất liệu giấy ảnh 260gms) | | | | | | | | | | | |
| 8 | Chi văn phòng phẩm phục vụ hoạt động nhóm (10 nhóm/lớp gồm: Giấy in; Bút da kính 2 đầu Deli; | | | | | | | | | | | |

| Stt | Nội dung | Tổng cộng | Lớp 1 (xã Mù Cang Chải) | Lớp 2 (xã Gia Hội) | Lớp 3 (Xã Liên Sơn) | Lớp 4 (Phường Trung Tâm) | Lớp 5 (Phường Nghĩa Lộ) | Lớp 6 (xã Văn Chấn) | Lớp 7 (xã Quy Mông) | Lớp 8 (xã Châu Quế) | Lớp 9 (xã Khánh Hoà) | Lớp 10 (xã Mậu A) |
|------------|---|-----------|----------------------------|-----------------------|------------------------|-----------------------------|----------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|-------------------------|----------------------|
| | | | Số lượng | Số lượng | Số lượng | Số lượng | Số lượng | Số lượng | Số lượng | Số lượng | Số lượng | Số lượng |
| | Kéo; Bìa A4; Kẹp giấy; Giấy note; Kẹp bướm) | | | | | | | | | | | |
| III | Chi hỗ trợ học viên | | | | | | | | | | | |
| 1 | Hỗ trợ tiền ăn cho học viên | | | | | | | | | | | |
| 2 | Hỗ trợ tiền thuê phòng ngủ cho học viên (thanh toán theo thực tế) | | | | | | | | | | | |
| 3 | Hỗ trợ tiền đi lại cho học viên (Không hỗ trợ đại biểu có khoảng cách từ trụ sở xã đến địa điểm mở lớp dưới 10km đối với xã thuộc địa bàn kinh tế khó khăn, xã đặc biệt khó khăn); dưới 15km đối với các xã còn lại | | | | | | | | | | | |
| B | Chi phí quản lý lớp học, chi phí phát sinh | | | | | | | | | | | |
| 1 | Phụ cấp lưu trú cho cán bộ quản lý lớp học | | | | | | | | | | | |
| 2 | Chi tiền khoán đi lại cho cán bộ quản lý lớp | | | | | | | | | | | |

| Stt | Nội dung | Tổng cộng | Lớp 1 (xã Mù Cang Chải) | Lớp 2 (xã Gia Hội) | Lớp 3 (Xã Liên Sơn) | Lớp 4 (Phường Trung Tâm) | Lớp 5 (Phường Nghĩa Lộ) | Lớp 6 (xã Văn Chấn) | Lớp 7 (xã Quy Mông) | Lớp 8 (xã Châu Quế) | Lớp 9 (xã Khánh Hoà) | Lớp 10 (xã Mậu A) |
|-----|--|-----------|----------------------------|-----------------------|------------------------|-----------------------------|----------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|-------------------------|----------------------|
| | | | Số lượng | Số lượng | Số lượng | Số lượng | Số lượng | Số lượng | Số lượng | Số lượng | Số lượng | Số lượng |
| 3 | Chi tiền thuê phòng ngủ cho cán bộ quản lý lớp | | | | | | | | | | | |
| 4 | Chi khác, phát sinh theo thực tế | | | | | | | | | | | |

3.

| Stt | Nội dung | Tổng cộng | Lớp 1 (Xã Văn Chấn) | Lớp 2 (Trường Chính trị - cơ sở 1) | Lớp 3 (xã Phúc Khánh) | Lớp 4 (phường Lào Cai) | Lớp 5 (xã Bát Xát) | Lớp 6 (Phường Cam Đường) |
|----------|----------------------------------|------------|------------------------|---------------------------------------|--------------------------|---------------------------|-----------------------|-----------------------------|
| | | | Số lượng | Số lượng | Số lượng | Số lượng | Số lượng | Số lượng |
| | Số lượng học viên | 345 | 61 | 58 | 57 | 60 | 52 | 57 |
| | Thời gian: 5 ngày/lớp | | | | | | | |
| A | Chi phí đào tạo, tập huấn | | | | | | | |

| Stt | Nội dung | Tổng cộng | Lớp 1 (Xã Văn Chấn) | Lớp 2 (Trường Chính trị - cơ sở 1) | Lớp 3 (xã Phúc Khánh) | Lớp 4 (phường Lào Cai) | Lớp 5 (xã Bát Xát) | Lớp 6 (Phường Cam Đường) |
|-----------|--|-----------|------------------------|---------------------------------------|--------------------------|---------------------------|-----------------------|-----------------------------|
| | | | Số lượng | Số lượng | Số lượng | Số lượng | Số lượng | Số lượng |
| I | Chi phí thuê giảng viên | | | | | | | |
| 1 | Chi thù lao Giảng viên | | | | | | | |
| 2 | Phụ cấp tiền ăn cho giảng viên | | | | | | | |
| 3 | Chi tiền thuê phòng nghỉ cho giảng viên | | | | | | | |
| 4 | Hỗ trợ đi lại cho giảng viên | | | | | | | |
| 5 | Chi tiền nước uống cho Giảng viên | | | | | | | |
| II | Chi phí tổ chức lớp học | | | | | | | |
| 1 | Chi phô tô tài liệu phát học viên | | | | | | | |
| 2 | Văn phòng phẩm (Sổ tay, bút bi nước, túi cước) | | | | | | | |
| 3 | Chi thuê hội trường, phòng học; Chi thuê thiết bị, dụng cụ phục vụ giảng dạy (máy tính, máy chiếu) | | | | | | | |
| 4 | Tiền market, hoa tươi, trang trí, khánh tiết (khai mạc, bế mạc) | | | | | | | |

| Stt | Nội dung | Tổng cộng | Lớp 1 (Xã Văn Chân) | Lớp 2 (Trường Chính trị - cơ sở 1) | Lớp 3 (xã Phúc Khánh) | Lớp 4 (phường Lào Cai) | Lớp 5 (xã Bát Xát) | Lớp 6 (Phường Cam Đường) |
|------------|--|-----------|------------------------|---------------------------------------|--------------------------|---------------------------|-----------------------|-----------------------------|
| | | | Số lượng | Số lượng | Số lượng | Số lượng | Số lượng | Số lượng |
| 5 | Chi giải khát giữa giờ cho học viên | | | | | | | |
| 6 | Chi khen thưởng cho học viên đạt loại giỏi loại xuất sắc | | | | | | | |
| 7 | Chi in và cấp chứng chỉ (kích thước: 15 cm x 21 cm; chất liệu giấy ảnh 260gms) | | | | | | | |
| 8 | Chi văn phòng phẩm phục vụ hoạt động nhóm (10 nhóm/lớp gồm: Giấy in; Bút da kính 2 đầu Deli; Kéo; Bìa A4; Kẹp giấy; Giấy note; Kẹp bướm) | | | | | | | |
| III | Chi hỗ trợ học viên | | | | | | | |
| 1 | Hỗ trợ tiền ăn cho học viên | | | | | | | |
| 2 | Hỗ trợ tiền thuê phòng ngủ cho học viên (thanh toán theo thực tế) | | | | | | | |
| 3 | Hỗ trợ tiền đi lại cho học viên (Không hỗ trợ đại biểu có khoảng cách từ trụ sở xã đến địa điểm mở lớp dưới) | | | | | | | |

| Stt | Nội dung | Tổng cộng | Lớp 1 (Xã Văn Chân) | Lớp 2 (Trường Chính trị - cơ sở 1) | Lớp 3 (Xã Phúc Khánh) | Lớp 4 (phường Lào Cai) | Lớp 5 (Xã Bát Xát) | Lớp 6 (Phường Cam Đường) |
|----------|---|-----------|------------------------|---------------------------------------|--------------------------|---------------------------|-----------------------|-----------------------------|
| | | | Số lượng | Số lượng | Số lượng | Số lượng | Số lượng | Số lượng |
| | 10km đối với xã thuộc địa bàn kinh tế khó khăn, xã đặc biệt khó khăn); dưới 15km đối với các xã còn lại | | | | | | | |
| B | Chi phí quản lý lớp học, chi phí phát sinh | | | | | | | |
| 1 | Phụ cấp lưu trú cho cán bộ quản lý lớp học | | | | | | | |
| 2 | Chi tiền khoán đi lại cho cán bộ quản lý lớp | | | | | | | |
| 3 | Chi tiền thuê phòng ngủ cho cán bộ quản lý lớp | | | | | | | |
| 4 | Chi khác, phát sinh theo thực tế | | | | | | | |

4. Giải pháp và phương pháp luận:

Nhà thầu chuẩn bị đề xuất giải pháp, phương pháp luận tổng quát thực hiện dịch vụ theo các nội dung quy định tại Chương này, gồm các phần như sau:

1. Giải pháp và phương pháp luận;
2. Kế hoạch công tác.

5. Quy định về kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm:

Việc kiểm tra, nghiệm thu căn cứ vào Yêu cầu kỹ thuật theo quy định và kết quả thực hiện của Nhà thầu đảm bảo đúng chất lượng và tiến độ của gói thầu